

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 01- 8- 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đinh Ngọc Phúc
- Ông Tống Xuân Tú

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Đình Trường- Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Hung Hà, tỉnh Thái Bình

Trong ngày 01 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hung Hà,
tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2024/TLST- HNGĐ
ngày 04 tháng 6 năm 2024 về việc: ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXX-ST ngày 08 tháng 7 năm 2024 giữa
các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1998

Đăng ký thường trú: thôn M, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình

Chỗ ở hiện nay: số 592 Lê Thái Tổ, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh
Thanh Hoá

2. Bị đơn: anh Trần Mạnh C, sinh năm 1991

Địa chỉ: thôn M, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình

(Chị T và anh C đều xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình
bày:

Chị kết hôn tự nguyện với anh Trần Mạnh C và có đăng ký kết hôn tại Ủy
ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 05/12/2022. Sau khi kết
hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu
thuẫn thường xuyên cãi nhau do tính tình không hợp. Đến tháng 10/2023 vợ chồng

mâu thuẫn trầm trọng nên đã ly thân từ đó cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn anh **C**. Chị và anh **C** có 01 con chung là **Trần Bảo C1**, sinh ngày 29/4/2023. Sau khi ly hôn, do con chung còn nhỏ dưới 03 tuổi nên chị xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh **C** phải góp cấp dưỡng nuôi con chung. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Bị đơn là anh **Trần Mạnh C** trong bản tự khai đã xác nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn đúng như chị **T** trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, không bảo ban được nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2023 cho đến nay, anh xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được nên nhất trí ly hôn với chị **T**. Anh và chị **T** có 01 con chung như chị **T** đã trình bày. Do con chung dưới 03 tuổi nên anh nhường quyền nuôi dưỡng con chung cho chị **T**. Anh không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị **T**. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị **Nguyễn Thị T** và anh **Trần Mạnh C** kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau do tính tình không hợp và vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2023 cho đến nay. Chị **T** và anh **C** đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí giải quyết ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa chị **T** và anh **C** đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị **T** được ly hôn anh **C** là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: Chị **T** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là **Trần Bảo C1**, sinh ngày 29/4/2023 và anh **C** cũng đồng ý theo yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị **T**. Vì vậy, cần giao cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh **C** không phải góp cấp dưỡng nuôi chung do chị **T** không yêu cầu.

Về quan hệ tài sản: chị **T** và anh **C** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: chị **T** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị **Nguyễn Thị T** được ly hôn anh **Trần Mạnh C**.

2. Về quan hệ con chung: xử giao cho chị **Nguyễn Thị T** trực tiếp nuôi dưỡng con chung là **Trần Bảo C1**, sinh ngày 29/4/2023. Anh **C** không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị **T**. Anh **C** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị **Nguyễn Thị T** phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị **T** đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003778 ngày 04/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: chị **Nguyễn Thị T** và anh **Trần Mạnh C** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hưng Hà,
- Các đương sự,
- Chi cục THA dân sự H.Hưng Hà,
- UBND xã Tây Đô,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thế Hùng